

Bản án số: 303/2024/HSST

Ngày: 23-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai.

2. Bà Châu Thị Lệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Toà án nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Quách Diệp Nguyệt Thanh, bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại Phòng xử án Toà án nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh – Số 416/2 đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận G, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 322/2024/HSST ngày 19/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2024/QĐXXST-HS ngày 02/12/2024 đối với bị cáo:

Tiền Ngọc M; Sinh năm 1975, tại Tp. Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X, đường Y, Phường Z, quận G, Tp. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C và bà B; Vợ Nguyễn Thị Thu D, có 02 con lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Đỗ K (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số X đường Lê Đức Thọ, phường 13, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

2/Bà Nguyễn Thị Kim T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số Y đường Thống Nhất, phường 16, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

3/Ông Đỗ Duy T1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số Z đường Phạm Văn Chiêu, phường 13, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

4/Ông Đỗ Hữu T2 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số N đường Lê Đức Thọ, phường 13, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/06/2024 bị cáo Tiên Ngọc M điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH biển số 59V2 - 44262 không đội mũ bảo hiểm đến trước địa chỉ X Lê Đức Thọ, Phường 16, quận G, Tp. Hồ Chí Minh có biểu hiện nghi vấn nên đã bị Tổ công tác V Công an Tp. Hồ Chí Minh kiểm tra và phát hiện trong điện thoại của Tiên Ngọc M có nội dung cho vay tiền lấy lãi nên đã lập biên bản bàn giao cho Công an quận G xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

1/Ngày 13/02/2024, Tiên Ngọc M cho chị Nguyễn Thị Kim T vay số tiền 5.000.000 đồng lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng trả tiền lãi 500.000 đồng. T đã đóng được 03 tháng, tổng số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Đến ngày 07/03/2024 T chuyển khoản cho M số tiền gốc là 5.000.000 đồng. M đã thu lợi bất chính số tiền là 1.250.000 đồng sau khi đã trừ đi 250.000 đồng lãi theo quy định. Khoản vay này đã tất toán xong.

-Khoảng cuối tháng 3/2024, cho chị T vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng sau đó không có khả năng trả vốn và tiền lãi, T xin M không trả tiền lãi mà trả tiền gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng thì M đồng ý. T đã trả được 8.000.000 đồng tiền gốc thì đến nay chưa chuyển trả tiếp. Khoản vay này không thu tiền lãi và chưa tất toán.

Tổng số tiền lãi mà M đã thu lợi bất chính từ việc cho chị T vay là 1.250.000 đồng.

2/Khoảng tháng 10/2023, Tiên Ngọc M cho anh Đỗ Duy T1 12.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, M quy định anh T1 trả lãi đứng, mỗi tháng trả 1.200.000 đồng tiền lãi. Anh T1 đã đóng được 4.800.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 3/2024, T1 mất khả năng chi trả nên anh T1 xin không trả tiền lãi nữa mà trả tiền gốc mỗi tháng là 500.000 đồng thì M đồng ý. T1 trả được 03 lần tiền gốc với tổng số tiền là 1.500.000 đồng. Do đó, M đã thu lợi bất chính số tiền là 4.000.000 đồng sau khi đã trừ đi 800.000 đồng lãi theo quy định. Khoản vay này chưa tất toán.

Tổng số tiền lãi mà M đã thu lợi bất chính từ việc cho anh T1 vay nêu trên là: 4.000.000 đồng.

3/Vào khoảng tháng 12/2023, Tiên Ngọc M cho anh Đỗ Hữu T2 vay số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, trả lãi đứng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tiền lãi. Anh T2 đã đóng được 4,5 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 13.500.000 đồng. Đến ngày 02/05/2024, T2 đã trả hết tiền gốc cho M. Do đó, M đã thu lợi bất chính số tiền là 11.250.000 đồng sau khi đã trừ đi lãi theo quy định là 2.250.000 đồng. Khoản vay này đã tất toán xong.

-Ngày 13/6/2024, M cho anh T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, trả lãi đứng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền lãi. Do chưa đến ngày trả tiền lãi nên T2 chưa chuyển trả lãi. Đến tháng 7/2024, T2 đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và không trả tiền lãi. Khoản vay này đã tắt toán xong.

Tổng số tiền lãi mà M đã thu lợi bất chính đối từ việc cho anh T2 vay trên là 11.250.000 đồng.

4/Khoảng tháng 6/2023, Tiên Ngọc M cho anh Đỗ K vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, trả lãi đứng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tiền lãi. Khoảng vài ngày sau, tiếp tục cho K vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất và hình thức vay như trên. Tháng 10/2023, M giảm tiền lãi xuống còn 5.000.000 đồng/tháng cho cả 02 khoản vay trên (tương đương với lãi suất 12,5%/tháng).

Khoảng tháng 10/2024, M cho K vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 60%/tháng, trả lãi đứng mỗi ngày trả 200.000 đồng tiền lãi. Sau đó, cho K vay thêm 5.000.000 đồng với lãi suất và hình thức vay như trên.

Tổng cộng mỗi ngày anh K phải trả 300.000 đồng tiền lãi cho 02 khoản vay (tổng cộng 15.000.000 đồng) và mỗi tháng phải trả 5.000.000 đồng tiền lãi cho 02 khoản vay (tổng cộng 40.000.000 đồng). Đến cuối tháng 12/2023, M đồng ý cho K chuyển toàn bộ khoản vay 15.000.000 đồng lãi tháng, cùng khoản vay 40.000.000 đồng tổng cộng nợ là 55.000.000 đồng với lãi suất 12,72%/tháng, mỗi tháng K trả cho M 7.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng K đã trả cho M 83.800.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc. Hiện còn 45 triệu đồng tiền nợ gốc chưa tắt toán.

Tổng số tiền thu lợi từ việc cho anh K vay trên là 83.800.000 đồng, trừ đi số tiền lãi theo quy định: 10.083.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 73.717.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

-01 điện thoại di động Iphone 12 Promax thu giữ của bị cáo M;

-01 Sổ hộ khẩu số 31030048482, tên chủ hộ Lâm Văn C và 01 Giấy mượn tiền ngày 25/02/2022 nội dung Tiên Ngọc M cho Lâm Văn C mượn tiền;

-01 Bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 071173 mang tên Lê Thị Mỹ L và 01 Hợp đồng vay tiền ngày 11/4/2019 nội dung Tiên Ngọc M cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền;

-01 Giấy vay tiền nội dung bà Nguyễn Thị Thu D cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền; 01 Giấy vay tiền có nội dung Huỳnh Ngọc A cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Tp. Hồ Chí Minh bị cáo Tiên Ngọc M đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 399/CT-VKS-GV ngày 18/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Tiên Ngọc M về tội “Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo.

-Đề nghị xử phạt bị cáo Tiên Ngọc M từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

-Đề nghị phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng.

-Đề nghị buộc bị cáo nộp số tiền gốc 69.300.000 đồng và tiền lãi theo quy định 13.383.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

-Đề nghị buộc bị cáo trả lại tiền thu lợi bất chính cho:

Bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 1.250.000 đồng.

Ông Đỗ Duy T1 số tiền 4.000.000 đồng.

Ông Đỗ Hữu T2 số tiền 11.250.000 đồng.

Ông Đỗ K số tiền 73.717.000 đồng.

-Đề nghị buộc nộp lại số tiền gốc sung quỹ Nhà nước đối với:

Bà Nguyễn Thị Kim T nộp số tiền 32.000.000 đồng.

Ông Đỗ Duy T1 số tiền 5.700.000 đồng.

Ông Đỗ K số tiền 45.000.000 đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng:

-Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax thu giữ của bị cáo.

-01 Sổ hộ khẩu số 31030048482, tên chủ hộ Lâm Văn C và 01 Giấy mượn tiền ngày 25/02/2022 nội dung Tiên Ngọc M cho Lâm Văn C mượn tiền. Ngày 21/10/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại sổ hộ khẩu cho Lâm Văn C đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận không xét lại.

-Lưu theo hồ sơ vụ án 01 Bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 071173 mang tên Lê Thị Mỹ L và 01 Hợp đồng vay tiền ngày 11/4/2019 nội dung Tiên Ngọc M cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền; 01 Giấy vay tiền nội dung bà Nguyễn Thị Thu D cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền; 01 Giấy vay tiền có nội dung Huỳnh Ngọc A cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên và không tự bào chữa, không tranh luận, bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, thẩm vấn tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Tiên Ngọc M tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện bị cáo đã thực hiện hành vi: Từ khoảng năm 2023 đến nay, bị cáo Tiên Ngọc M có hành vi cho vay với lãi suất cao từ 10–60%/tháng (tương đương 120% – 720%/năm) cụ thể: M đã cho anh Đỗ K vay tiền với lãi suất từ lãi suất từ 12,5% đến 60% tương đương với lãi suất từ 150%/năm đến 720%/năm, cao gấp từ 9 lần đến 36 lần so với lãi suất ngân hàng cho phép, thu lợi bất chính 73.717.000 đồng, cho anh Đỗ Hữu T2 vay tiền với lãi suất 10%/ tháng, cao gấp từ 6 lần so với lãi suất ngân hàng cho phép, thu lợi bất chính 11.250.000 đồng, cho chị Nguyễn Thị Kim T vay tiền với lãi suất 10%/ tháng, cao gấp từ 6 lần so với lãi suất ngân hàng cho phép, thu lợi bất chính 1.250.028 đồng, cho anh Đỗ Duy T1 tiền với lãi suất 10%/tháng, cao gấp từ 6 lần so với lãi suất ngân hàng cho phép, thu lợi bất chính 4.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà Tiên Ngọc M đã thu lợi bất chính của Đỗ K, Nguyễn Thị Kim T, Đỗ Duy T1, Đỗ Hữu T2, là 90.217.000 đồng. Đủ cơ sở xác định bị cáo Tiên Ngọc M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1, Điều 201 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần xử lý tương xứng với tính chất hành vi của bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ và hình phạt cải tạo không giam giữ quy định theo điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 36; khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng theo quy định tại khoản 3, Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về khấu trừ thu nhập theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xét hoàn cảnh của bị cáo nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7]. Đối với việc Tiên Ngọc M cho người tên L1 có tài khoản Zalo “Longsuanha”, sử dụng số điện thoại 0933128282 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, trả lãi đứng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền lãi. L1 đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi. Quá trình điều tra xác định: Số điện thoại 0933128282 do Nguyễn Vinh N, sinh năm: 1980, Hộ khẩu thường trú: số 15/6 Nguyễn Thị M K, phường B, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh là chủ thuê bao. Qua làm việc, Nguyễn Vinh N cho biết không vay mượn tiền của Tiên Ngọc M. Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo đối với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Đối với việc Tiên Ngọc M cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền, M khai nhận khoảng năm 2019 có cho bà Lê Thị Mỹ L vay số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng và có làm Hợp đồng vay tiền trên. Việc vay tiền và lãi suất nêu trên theo quy định của pháp luật, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo đối với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9]. Đối với việc Nguyễn Thị Thu D cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền. Nguyễn Thị Thu D (vợ của M) khai khoảng năm 2018, M cho chị Lê Thị Mỹ L vay số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng và nhờ D đứng tên ký giấy vay tiền. D chỉ đứng tên ký giấy vay tiền với L nên không biết việc M cho L vay tiền cụ thể như thế nào. Xác M tại Công an phường Tân Hưng Thuận, Quận K được biết: Lê Thị Mỹ L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 81, KP2, đường DDHT41, phường Tân Hưng Thuận, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh nhưng không có mặt tại địa phương nên không lấy được lời khai của Lợi để làm rõ về khoản vay với M. Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo đối với hành vi nêu trên. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác M làm rõ khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10]. Đối với việc 01 Giấy vay tiền có nội dung Huỳnh Ngọc A cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền. M khai nhận thực chất là M cho L vay nhưng bắt Huỳnh Ngọc A (bạn của L) viết giấy cho L vay để đảm bảo cho việc trả nợ của Lợi. Xác M tại Công an phường B, Quận J, Tp. Hồ Chí Minh được biết: Huỳnh Ngọc A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 10 Đường 24, KP15, B, Quận J, Tp. Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương. Hiện nay, Huỳnh Ngọc Anh đang cư trú tại địa chỉ S1.06–0904 Khu dân cư và CV Phước Thiện, 512 Nguyễn Xiển, Tổ 16, Tp. T. Xác M tại Công an phường LT, Tp. Thủ Đức kết quả: Huỳnh Ngọc A không cư trú tại căn hộ 0904 Tòa S1.06 Khu dân cư và CV Phước Thiện, 512 Nguyễn Xiển, Tổ 16, Tp. T nên chưa ghi được lời khai của A. Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo đối với hành vi nêu trên. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác M làm rõ khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[11]. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

[11.1]. Đối với số tiền gốc 69.300.000 đồng bị cáo Tiên Ngọc M đã dùng để cho vay và đã nhận lại từ những người vay nên buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

[11.2]. Đối với số tiền lãi theo quy định 13.383.000 đồng bị cáo Tiên Ngọc M đã nhận từ những người vay nên buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

[11.3]. Đối với số tiền thu lợi bất chính 90.217.000 đồng bị cáo đã nhận từ những người vay nên buộc bị cáo trả lại cụ thể như sau:

-Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 1.250.000 đồng.

-Trả lại cho ông Đỗ Duy T1 số tiền 4.000.000 đồng.

-Trả lại cho ông Đỗ Hữu T2 số tiền 11.250.000 đồng.

-Trả lại cho ông Đỗ K số tiền 73.717.000 đồng.

[11.4]. Đối với số tiền gốc những người vay chưa trả lại cho bị cáo nên buộc người vay phải nộp sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau:

-Buộc bà Nguyễn Thị Kim T nộp số tiền 32.000.000 đồng.

-Buộc ông Đỗ Duy T1 nộp số tiền 5.700.000 đồng.

-Buộc ông Đỗ K nộp số tiền 45.000.000 đồng.

[12]. Về xử lý vật chứng:

[12.1]. Đối với 01 Sổ hộ khẩu số 31030048482, tên chủ hộ Lâm Văn C và 01 Giấy mượn tiền ngày 25/02/2022 nội dung Tiên Ngọc M cho Lâm Văn C mượn tiền. Ngày 21/10/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại sổ hộ khẩu cho Lâm Văn C là đúng theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận không xét lại.

[12.2]. Đối với 01 Bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 071173 mang tên Lê Thị Mỹ L; 01 Hợp đồng vay tiền ngày 11/4/2019 nội dung Tiên Ngọc M cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền; 01 Giấy vay tiền nội dung bà Nguyễn Thị Thu D cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền; 01 Giấy vay tiền có nội dung Huỳnh Ngọc A cho bà Lê Thị Mỹ L vay tiền. Là chứng cứ vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án (Đã kèm theo hồ sơ vụ án).

[12.3]. Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax, màu đen, số Imei 352048885723356 thu giữ của bị cáo. Là tài sản của bị cáo Tiên Ngọc M dùng nhắn tin có nội dung cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[13]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[14]. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[15]. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 201; điểm i, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Tiên Ngọc M 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Tiên Ngọc M cho Ủy ban nhân dân Phường 13, quận G, Tp. Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án Cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo Tiên Ngọc M.

Phạt bổ sung bị cáo Tiên Ngọc M số tiền 30.000.000 đồng. Buộc bị cáo nộp số tiền phạt bổ sung một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

-Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1/Buộc bị cáo Tiên Ngọc M nộp số tiền gốc 69.300.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

2/Buộc bị cáo Tiên Ngọc M nộp số tiền lãi hợp pháp 13.383.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

3/Buộc bị cáo Tiên Ngọc M trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 1.250.000 đồng.

4/Buộc bị cáo Tiên Ngọc M trả lại cho ông Đỗ Duy T1 số tiền 4.000.000 đồng.

5/Buộc bị cáo Tiên Ngọc M trả lại cho ông Đỗ Hữu T2 số tiền 11.250.000 đồng.

6/Buộc bị cáo Tiên Ngọc M trả lại cho ông Đỗ K số tiền 73.717.000 đồng.

7/Buộc bà Nguyễn Thị Kim T nộp số tiền 32.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

8/Buộc ông Đỗ Duy T1 nộp số tiền 5.700.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

9/Buộc ông Đỗ K nộp số tiền 45.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

10/Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax, số Imei 352048885723356 (Đã qua sử dụng).

(Theo Phiếu nhập kho số 271/PNK ngày 23/10/2024 của Công an quận G, Tp. Hồ Chí Minh).

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G;
- Công an quận G;
- Trại giam nơi giam bị cáo;
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận G;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đức

